

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2022

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2022

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Tên cơ sở đào tạo

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Email: info@vnies.edu.vn, điện thoại: 0243.94232639
Website: http://vnies.edu.vn/

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ

Tính đến ngày 31/12/2021, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam đang tổ chức đào tạo cho 42 nghiên cứu sinh ở 04 chuyên ngành:

- Quản lý giáo dục: 24 nghiên cứu sinh;
- Lý luận và lịch sử giáo dục: 10 nghiên cứu sinh;
- Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn: 07 nghiên cứu sinh;
- Tâm lý học: 01 nghiên cứu sinh.

II. CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA ĐỀ ÁN

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Tất cả các ứng viên đã tốt nghiệp thạc sĩ ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển theo quy định của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam¹ và các điều kiện khác theo thông báo tuyển sinh.

2.2. Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh theo phương thức xét tuyển hồ sơ năng lực của các cá nhân dự tuyển.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành:

- Chuyên ngành Quản lý giáo dục: 12 chỉ tiêu;
- Chuyên ngành Lý luận và lịch sử giáo dục: 18 chỉ tiêu;
- Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn: 12 chỉ tiêu.

¹ Danh mục ngành, chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 464/QĐ-VKHGDVN ngày 10/12/2021 của Viện trưởng Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo

2.4.1. Các hướng nghiên cứu

Định hướng nghiên cứu của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam được xác định theo 2 lĩnh vực: *Nghiên cứu lí luận cơ bản* và *Nghiên cứu ứng dụng - triển khai*.

* *Nghiên cứu lí luận cơ bản* bao gồm:

- Nghiên cứu những vấn đề *triết học* làm nền tảng cho lí luận giáo dục Việt Nam: vai trò, giá trị của giáo dục; mục tiêu giáo dục, hệ thống giáo dục, nội dung giáo dục, phương thức giáo dục, người dạy và người học, môi trường giáo dục

- Nghiên cứu *mô hình nhân cách học sinh, sinh viên* Việt Nam: nghiên cứu xác định những phẩm chất, năng lực đặc trưng cần được hình thành cho học sinh, sinh viên ở mỗi cấp học và trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong xu thế toàn cầu hoá.

- Nghiên cứu về những *đặc điểm tâm, sinh lý của người học* Việt Nam (học sinh, sinh viên, người lớn tuổi) trong xã hội hiện đại, làm cơ sở cho việc thiết kế chương trình giáo dục các cấp học và trình độ đào tạo.

- Nghiên cứu những vấn đề cơ bản về *tâm lí học nghề nghiệp*: tâm lí học nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục, người lao động (ở một số ngành nghề tiêu biểu) làm cơ sở cho việc xây dựng các chuẩn nghề nghiệp và các chương trình đào tạo bồi dưỡng đội ngũ trong giáo dục.

- Nghiên cứu những vấn đề cơ bản về các lĩnh vực: *Giáo dục học* cho các đối tượng người học (Giáo dục học phổ thông, Giáo dục học người lớn, Giáo dục học nghề nghiệp, Giáo dục học trẻ em có nhu cầu đặc biệt,...) của Việt Nam; và *Quản lí giáo dục* (Lý thuyết quản lí giáo dục, Cơ cấu hệ thống, mô hình giáo dục và cơ chế quản lí giáo dục, Quản lí nguồn nhân lực trong giáo dục, Đảm bảo chất lượng trong giáo dục...).

- Nghiên cứu những vấn đề cơ bản về *kinh tế giáo dục trong cơ chế thị trường* để giải quyết những vấn đề về chi phí, giá thành trong giáo dục; chia sẻ chi phí trong giáo dục; hiệu quả đầu tư trong giáo dục.

- Nghiên cứu cơ bản về *xã hội học giáo dục*: những vấn đề phương pháp luận nghiên cứu xã hội học giáo dục; các mối quan hệ giữa giáo dục và xã hội

- Nghiên cứu về *giáo dục so sánh*: hệ thống hoá cơ sở lí luận về giáo dục so sánh; hình thành cơ sở dữ liệu, phân tích và xác định những xu thế phát triển giáo dục của một số nước tiên tiến tiêu biểu trong khu vực và trên thế giới và những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

- Nghiên cứu *cơ sở khoa học của việc xây dựng, phát triển chương trình giáo dục, đào tạo*; góp phần xây dựng lí thuyết phát triển chương trình giáo dục của Việt Nam, phục vụ cho việc đổi mới, phát triển chương trình giáo dục các cấp học và trình độ đào tạo.

- Nghiên cứu về *dự báo giáo dục*: nghiên cứu những vấn đề cơ bản về phương pháp luận trong nghiên cứu dự báo giáo dục; các mô hình dự báo giáo dục; phương thức tổ chức công tác dự báo giáo dục ở Việt Nam.

- Nghiên cứu những vấn đề *lý luận về giá trị học*, xác định hệ thống giá trị, sự định hướng giá trị hiện nay ở Việt Nam và các con đường giáo dục giá trị cho học sinh, sinh viên ở các nhà trường.

- Nghiên cứu *xu thế phát triển khoa học giáo dục* trên thế giới.

* *Nghiên cứu ứng dụng - triển khai* bao gồm:

- Nghiên cứu *đổi mới hệ thống giáo dục* theo hướng mở, đa dạng hoá, chuẩn hoá, đảm bảo tính phân luồng và liên thông, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi người; các điều kiện và lộ trình triển khai hệ thống giáo dục.

- Nghiên cứu *tác động của chính sách giáo dục* và đề xuất chính sách giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục.

- Nghiên cứu các *mô hình nhà trường tương lai*.

- Nghiên cứu về *phân cấp quản lý trong giáo dục*.

- Nghiên cứu về *phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo*.

- Nghiên cứu *ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý giáo dục*.

- Nghiên cứu những vấn đề *quản lý tài chính trong giáo dục*.

- *Dự báo về nhu cầu đào tạo nhân lực*.

- Nghiên cứu xây dựng *hệ thống chuẩn giáo dục và thực hiện chuẩn hoá trong giáo dục*.

- Nghiên cứu những vấn đề về *đánh giá giáo dục* cho các cấp học hướng vào việc đánh giá năng lực người học, chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển nhân cách người học.

- Nghiên cứu *phát triển chương trình cho các cấp học và trình độ đào tạo* theo hướng phát triển phẩm chất năng lực người học.

- Nghiên cứu vận dụng các *lí thuyết dạy học hiện đại; các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học hiện đại*.

- Nghiên cứu những vấn đề về *phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng nhân tài*.

- Nghiên cứu *hiệu quả đầu tư cho giáo dục* (chi phí, giá thành của giáo dục và đào tạo; hiệu quả kinh tế, xã hội của giáo dục và đào tạo).

- *Thiết kế chương trình đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên* đáp ứng yêu cầu đổi mới, cải cách chương trình giáo dục và đào tạo ở các cấp học và trình độ đào tạo.

- Nghiên cứu *phát triển cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em và các điều kiện khác*.

- Nghiên cứu *thực trạng và giải pháp thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục*.

- Nghiên cứu những vấn đề của *thực tiễn giáo dục* theo đơn đặt hàng của các cơ sở giáo dục, các tổ chức trong và ngoài nước, các địa phương.

- Nghiên cứu những vấn đề *tâm lý học trong điều chỉnh và trị liệu cho các đối tượng có nhận thức và hành vi lệch chuẩn*.

- Một số nghiên cứu ứng dụng khác liên quan đến khoa học giáo dục.

2.4.2. Các đề tài nghiên cứu đang triển khai

Hiện nay, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam đang triển khai thực hiện 49 đề tài, thông tin chi tiết có trong Phụ lục 1 (kèm theo).

2.5. Tổ chức xét tuyển: 02 lần (Tháng 7/2022 và Tháng 11/2022).

2.6. Chính sách ưu tiên: Không

2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính: Thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Hiện nay, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam đáp ứng đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Cụ thể:

- Tổng diện tích hội trường, giảng đường, phòng học, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu: 9.520 m²

- Tổng diện tích thư viện và trung tâm học liệu: 269 m²

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành hoặc chuyên ngành

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam có đội ngũ đông đảo các nhà khoa học có uy tín trong và ngoài nước, là các chuyên gia đầu ngành của lĩnh vực khoa học Việt Nam, đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định để hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành hoặc chuyên ngành.

Thông tin chi tiết về đội ngũ các nhà khoa học, các chuyên gia có trong Phụ lục 2 (kèm theo).

Nơi nhận:

- Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT,
- Lưu: VT, P. QLKH, ĐT&HTQT.



Lê Anh Vinh

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI ĐANG TRIỂN KHAI

STT	Tên đề tài, nhiệm vụ/Mã số	Cá nhân chủ trì	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
1.	B2021.VKG.01 Nghiên cứu đề xuất mô hình giáo dục thích ứng cho các cơ sở giáo dục phổ thông ở Việt Nam	ThS. Bùi Thị Diễm	1/2021- 12/2022	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2.	B2021.VKG.02 Nghiên cứu giải pháp ứng dụng kỹ thuật số theo tiếp cận mô hình hệ sinh thái vào chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non tại khu công nghiệp, khu chế xuất	TS. Nguyễn Thị Nga	1/2021- 12/2022	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3.	B2021.VKG.03 Nghiên cứu phát triển khung chương trình tiên học đường cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ chuẩn bị vào lớp một hòa nhập tại Việt Nam	TS. Mai Thị Phương	1/2021- 12/2022	Bộ Giáo dục và Đào tạo
4.	B2021.VKG.04 Nghiên cứu đề xuất chính sách quốc gia chuyển đổi số trong quản lý trường học ở Việt Nam	TS. Trịnh Anh Hoa	1/2021- 12/2022	Bộ Giáo dục và Đào tạo
5.	B2021 – VKG – 07MT Xây dựng tài liệu giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh trung học cơ sở qua hoạt động STEM .	ThS. Đỗ Đức Lân	1 – 12/2021	Bộ Giáo dục và Đào tạo
6.	B2021 – VKG – 01MT Xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ môi trường dựa vào cộng đồng cho học viên giáo dục thường xuyên hướng tới phát triển bền vững	ThS. Nguyễn Thị Hương Lan	1 – 12/2021	Bộ Giáo dục và Đào tạo

7.	B2021-VKG-02MT Xây dựng mô hình truyền thông giáo dục phòng chống ô nhiễm không khí và bụi mịn cho học sinh trung học khu vực đô thị	ThS Lê Thị Quỳnh Nga	1 – 12/2021	Bộ Giáo dục và Đào tạo
8.	V2021-01: Nghiên cứu công tác truyền thông giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở vùng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT năm 2018	ThS. Trương Khắc Chu	26/4/2021- 4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
9.	V2021-02: Thiết kế các bài tập thực hành cuộc sống theo phương pháp Montessori trong hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số.	ThS. Đàm Thị Hoài Dung	26/4/2021- 4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
10.	V2021-03: Kinh nghiệm quốc tế về đánh giá năng lực tự chủ của học sinh phổ thông	ThS. Nguyễn Thị Hương	26/4/2021- 4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
11.	V2021-04: Kinh nghiệm quốc tế về việc lựa chọn văn bản trong đánh giá năng lực ngôn ngữ ở cấp Tiểu học	ThS. Trần Thị Phương Linh	26/4/2021- 4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
12.	V2021-05: Nghiên cứu thực trạng học tập trực tuyến của học viên giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông. Mã số:	ThS. Vũ Thị Phương Thảo	26/4/2021- 4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
13.	V2021-06: Nghiên cứu những khó khăn tâm lý của HS THPT trong hoạt động học tập trực tuyến tiếp cận trên cơ sở giới	ThS. Ngô Thanh Thủy	26/4/2021- 4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
14.	V2021-07: Nghiên cứu tính liên thông giữa Chương trình giáo dục mầm non với Chương trình giáo dục phổ thông 2018	ThS. Nguyễn Thị Thủy	26/4/2021- 4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
15.	V2021-08: Nghiên cứu ứng dụng mô hình giáo dục dựa trên Mindfulness (chánh niệm) góp phần giảm áp lực nghề nghiệp và nâng cao chất lượng giảng dạy của GV	ThS. Trần Thị Bích Ngân	26/4/2021- 4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
16.	V2021-09: Tô chức một số hoạt động trải nghiệm trong dạy học Mĩ thuật hướng đến hướng nghiệp cấp THCS đáp ứng Chương trình GDPT 2018	ThS. Tạ Kim Chi	26/4/2021- 4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
17.	V2021-10: Nghiên cứu thực trạng và xu hướng sử dụng kính thực tế ảo trong giáo dục phổ thông	ThS. Vương Quốc Anh	26/4/2021- 4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
18.	V2021-11: Một số yếu tố tác động đến năng lực an toàn số của học sinh THCS	ThS. Hoàng Phương Hạnh	26/4/2021- 4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

19.	V2021-12: Nghiên cứu hình thức đánh giá quá trình trong dạy học trực tuyến ở trường THCS	TS. Đặng Thị Thu Huệ	26/4/2021-4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
20.	V2021-13: Chính sách tài chính đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục đại học đối với sinh viên trong bối cảnh dịch bệnh COVID 19	ThS. Vũ Thị Quỳnh Nga	26/4/2021-4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
21.	V2021-14: Phương pháp dạy học trực tuyến đại học ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0	ThS. Nguyễn Đức Ca	26/4/2021-4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
22.	V2021-15: Xây dựng bài tập bổ trợ đọc cho học sinh có khó khăn về đọc đầu cấp tiểu học	ThS. Phạm Hà Thương	26/4/2021-4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
23.	V2021-16: Xây dựng cảm nang hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ trẻ khiếm thị đa tật tại nhà	ThS. Trịnh Thị Thu Thanh	26/4/2021-4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
24.	V2021-17: Nghiên cứu thực trạng một số yếu tố tác động đến việc dạy học trực tuyến của giáo viên trung học phổ thông trong bối cảnh hiện nay	ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy	26/4/2021-4/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
25.	V2021-18: Thực trạng cảm nhận hạnh phúc về nghề nghiệp của giáo viên phổ thông trong bối cảnh thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018	TS. Phạm Thị Hồng Thắm	25/10/2021 - 10/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
26.	V2021-19: Nghiên cứu, thiết kế Rubric đánh giá năng lực cảm thụ văn học trong dạy học Ngữ văn THCS	TS. Dương Thị Thanh Hương	10/2021 - 10/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
27.	V2021-20: Nghiên cứu những khó khăn và thách thức của học sinh trung học phổ thông trong việc kiểm tra trực tuyến cuối kỳ trong bối cảnh giãn cách xã hội	ThS. Nguyễn Sỹ Nam	10/2021 - 10/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
28.	V2021-21: Nghiên cứu phương pháp Phản hồi sinh học thần kinh (Neurofeedback) trong đánh giá và can thiệp giáo dục trẻ rối loạn phát triển tại Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Lan Anh	10/2021 - 10/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
29.	V2021-22: Nghiên cứu tổ chức dạy học chương trình tiếng chữ Mông ở trường tiểu học và trung học cơ sở vùng dân tộc Mông	ThS. Đào Thị Hồng Minh	10/2021 - 10/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

30.	V2021-23: Nghiên cứu phương án tổ chức thư viện trường học thân thiện tại các điểm lẻ ở trường Tiểu học tỉnh Lào Cai	CN. Trần Văn Thanh	10/2021 - 10/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
31.	V2021-24: Nghiên cứu phát triển thang đo đánh giá sự sẵn sàng cho chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông ở Việt Nam	ThS. Nguyễn Xuân An	10/2021 - 10/2022	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
32.	B2022-VKG-05 Nghiên cứu những thách thức và vấn đề đặt ra đối với giáo viên khi thực hiện Chương trình GDPT 2018	TS Đặng Thị Thu Huệ	2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
33.	B2022-VKG-06 Nghiên cứu xây dựng công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh cấp Trung học cơ sở	TS. Hà Thị Thúy	2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
34.	B2022-VKG-07 Nghiên cứu đánh giá tác động của dạy thêm, học thêm đối với việc dạy và học trong nhà trường phổ thông	ThS Phùng Thị Thu Trang	2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
35.	B2022-VKG-08 Nghiên cứu phát triển cộng đồng học tập chuyên môn của giáo viên ở Việt Nam trong bối cảnh thực hiện Chương trình GDPT 2018	ThS Hoàng Phương Hạnh	2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
36.	B2022-VKG-09 Xây dựng bộ công cụ đánh giá chất lượng giáo dục mầm non địa phương theo mục tiêu phát triển bền vững SDG 4 của Liên Hợp Quốc	ThS Nguyễn Thị Trang	2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
37.	B2022-VKG-10 Nghiên cứu trải nghiệm học tập của sinh viên đại học trong các biên động xã hội	TS. Nguyễn Thị Hảo	2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
38.	B2022-VKG-11 Thực trạng áp lực lao động nghề nghiệp của giáo viên Trung học cơ sở và định hướng khác phục trong bối cảnh thực thi chương trình giáo dục phổ thông 2018	TS. Phạm Thị Hồng Thắm	2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo

39.	B2022-VKG-12 Thư viện trường học đáp ứng yêu cầu đổi mới CTGDPT và yêu cầu chuyên đổi số	ThS Nguyễn Thanh Trình	2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
40.	B2022-VKG-13 Giải pháp nâng cao chất lượng học tập tại nơi làm việc nhằm xây dựng Đơn vị học tập, góp phần thực hiện Đề án xây dựng Xã hội học tập 2021-2030	TS Nguyễn Thị Hải	2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
41.	B2022-VKG-14 Nghiên cứu phát triển chương trình giáo dục tiểu học dành cho học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập dựa trên chương trình giáo dục phổ thông 2018	ThS Trần Thu Giang	2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
42.	B2022-VKG-15 Nghiên cứu đề xuất mô hình phát triển bền vững trường phổ thông dân tộc bán trú đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	TS Trần Thị Yên	2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
43.	B2022-VKG-16 Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp việc tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số cho đáp ứng yêu cầu đổi mới.	ThS. Đào Thị Hồng Minh	2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
44.	B2022-VKG-17 Định hướng chiến lược phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2021-2030	TS. Lê Đông Phương	2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
45.	B2022-VKG-18 Nghiên cứu luận cứ khoa học và thực tiễn về tổ chức, hoạt động của trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật.	TS. Nguyễn Văn Hưng	2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
46.	B2022-VKG-19 Nghiên cứu đề xuất tiêu chuẩn cơ sở vật chất nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	TS. Lê Thị Luận	2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
47.	B2022-VKG-20	ThS. Bùi Diệu Quỳnh	2022-2023	

	Hội nhập quốc tế về giáo dục phổ thông – Kinh nghiệm của một số nước trong khu vực châu Á và giải pháp cho Việt Nam				
48.	B2022-VKG-21 Cơ sở khoa học của các đề xuất định hướng nghiên cứu về khoa học giáo dục Việt Nam giai đoạn 2021-2030	PGS.TS Nguyễn Đức Minh	2022-2023		
49.	CT.2022.10.VKG.01 Nghiên cứu cơ sở khoa học của xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất HS theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018	PGS.TS Chu Cẩm Thơ	1/2022 – 12/2023		Bộ Giáo dục và Đào tạo
50.	CT.2022.10.VKG.02 Nghiên cứu cơ sở khoa học của thiết kế công cụ đánh giá năng lực và phẩm chất	TS Đặng Xuân Cương	1/2022 – 12/2023		Bộ Giáo dục và Đào tạo
51.	CT.2022.10.VKG.03 Nghiên cứu xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong môn Tiếng Việt cấp Tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	PGS.TS Trần Thị Hiền Lương	1/2022 – 12/2023		Bộ Giáo dục và Đào tạo
52.	CT.2022.10.VKG.04 Nghiên cứu xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong môn Toán cấp Tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	TS Nguyễn Thị Kiều Oanh	1/2022 – 12/2023		Bộ Giáo dục và Đào tạo
53.	CT.2022.10.VKG.05 Nghiên cứu xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong môn Đạo đức và Hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	ThS Bùi Ngọc Diệp	1/2022 – 12/2023		Bộ Giáo dục và Đào tạo
54.	CT.2022.10.VKG.06 Nghiên cứu xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong môn Tự nhiên và Xã hội, Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	ThS Nguyễn Hồng Liên	1/2022 – 12/2023		Bộ Giáo dục và Đào tạo
55.	CT.2022.10.VKG.07	TS Lương Việt Thái	1/2022 – 12/2023		Bộ Giáo dục và Đào tạo

	Nghiên cứu xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong môn Khoa học và Tin học – Công nghệ cấp Tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018			
56.	CT.2022.10.VKG.08 Nghiên cứu xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong môn Giáo dục thể chất và Nghệ thuật cấp Tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	ThS Lý Quốc Biên	1/2022 – 12/2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
57.	CT.2022.10.VKG.09 Nghiên cứu xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong môn Toán cấp THCS và THPT trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	PGS.TS Phạm Đức Quang	1/2022 – 12/2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
58.	CT.2022.10.VKG.10 Nghiên cứu xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong môn Ngữ văn cấp THCS và THPT trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	TS Nguyễn Thị Thanh Nga	1/2022 – 12/2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
59.	CT.2022.10.VKG.11 Nghiên cứu xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong môn Lịch sử và Địa Lý cấp THCS và THPT trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	TS Trần Thị Lan	1/2022 – 12/2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
60.	CT.2022.10.VKG.12 Nghiên cứu xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong môn Nghệ thuật cấp THCS và THPT trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	ThS Lê Anh Tuấn	1/2022 – 12/2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
61.	CT.2022.10.VKG.13 Nghiên cứu xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong môn Khoa học tự nhiên cấp THCS và các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học cấp THPT trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	TS Dương Quang Ngọc	1/2022 – 12/2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo
62.	CT.2022.10.VKG.14	ThS Nguyễn Thị Việt Hà	1/2022 – 12/2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo

	Nghiên cứu xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong môn Giáo dục công dân cấp THCS, môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật cấp THPT trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018			
63.	CT.2022.10.VKG.15 Hướng dẫn sử dụng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất học sinh theo môn học, hoạt động giáo dục ở tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018	TS Trần Thị Hương Giang	1/2023 – 1/2024	Bộ Giáo dục và Đào tạo
64.	CT.2022.10.VKG.16 Hướng dẫn sử dụng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất học sinh theo môn học, hoạt động giáo dục ở THCS theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018	ThS Nguyễn Thị Hương	1/2023 – 1/2024	Bộ Giáo dục và Đào tạo
65.	CT.2022.10.VKG.17 Hướng dẫn sử dụng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất học sinh theo môn học, hoạt động giáo dục ở THPT theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018	TS Dương Thị Thanh Hương	1/2023 – 1/2024	Bộ Giáo dục và Đào tạo
66.	CT.2022.10.VKG.18 Hoạt động quản lý điều hành của Ban chủ nhiệm Chương trình	GS.TS Lê Anh Vinh	1/2022 – 6/2024	Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục 2

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỚNG DẪN CHÍNH

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Chức danh khoa học/ học vị	Ghi Chú
I. Chuyên ngành QLGD				
1.	Lê Anh Vinh	05/6/1983	GS,TS	
2.	Phan Văn Kha	16/10/1954	GS,TS	
3.	Nguyễn Tiến Hùng	26/12/1960	PGS,TS	
4.	Nguyễn Khang	28/10/1955	PGS,TS	
5.	Lê Đông Phương	13/9/1961	TS	
6.	Trịnh Thị Anh Hoa	09/9/1972	TS	
II. Chuyên ngành LL&LSGD				
7.	Nguyễn Đức Minh	15/2/1962	PGS,TS	
8.	Trần Huy Hoàng	23/7/1971	PGS,TS	
9.	Phạm Minh Mục	12/3/1959	PGS, TS	
10.	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	21/10/1967	PGS, TS	
11.	Nguyễn Hồng Thuận	29/10/1970	PGS, TS	
12.	Lương Việt Thái	27/4/1968	TS	
13.	Nguyễn Minh Tuấn	13/8/1974	TS	
14.	Nguyễn Thị Kim Hoa	23/10/1976	TS	
15.	Nguyễn Văn Hưng	11/10/1981	TS	
III. Chuyên ngành LL&PP DH Bộ môn				
16.	Chu Cẩm Thơ	19/11/1981	PGS,TS	
17.	Nguyễn Thị Lan Phương	2/12/1963	PGS,TS	
18.	Phạm Đức Quang	27/9/1962	PGS,TS	
19.	Trần Thúy Nga	10/6/1980	TS	
20.	Đình Đức Tài	04/02/1973	TS	
21.	Đỗ Thu Hà	28/11/1976	TS	